QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DỊCH VỤ ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN Ở VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ KHUYẾN NGHỊ

ThS. Nguyễn Thị Phương Dung* - PGS.TS. Nguyễn Thị Hương Lan**

Trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ, dịch vụ đào tạo trực tuyến tại Việt Nam đang trở thành một cấu phần quan trọng của nền kinh tế số và hệ thống giáo dục hiện đại. Bài viết tập trung phân tích thực trạng quản lý nhà nước đối với dịch vụ đào tạo trực tuyến thông qua các khía cạnh: xây dựng chiến lược, tổ chức thực hiện thể chế và công tác thanh tra, kiểm tra. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, dù đã có những nền tảng chính sách quan trọng, hoạt động quản lý nhà nước vẫn đối mặt với nhiều bất cập như: bộ máy quản lý phân tán, thiếu cơ quan đầu mối thống nhất; sự chênh lệch lớn về cơ chế hỗ trợ giữa khu vực công và tư; công tác thanh tra, kiểm tra vẫn còn lỏng lẻo đối với khu vực tư nhân, dẫn đến các rủi ro về vi phạm bản quyền, lừa đảo và mất an toàn dữ liệu người học. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các khuyến nghị mang tính chiến lược như: hoàn thiện khung pháp lý, thiết lập cơ chế quản lý liên ngành, và cấp bách chuyển đổi sang mô hình "thanh tra số". Việc thực hiện đồng bộ các giải pháp này là điều kiện tiên quyết để xây dựng một thị trường đào tạo trực tuyến minh bạch, chất lượng và phát triển bền vững tại Việt Nam.

• Từ khóa: *quản lý nhà nước, đào tạo trực tuyến, elearning.*

In the context of rapid digital transformation, online training services in Vietnam are becoming an important component of the digital economy and the modern education system. This paper focuses on analyzing the current state of state management of online training services through the following aspects: strategy development, institutional implementation, and inspection and supervision. The research results indicate that, despite the existence of important policy foundations, state management still faces many shortcomings such as: a fragmented management apparatus, a lack of a unified coordinating agency; a significant disparity in support mechanisms between the public and private sectors; and lax inspection and supervision of the private sector, leading to risks of copyright infringement, fraud, and data security breaches. Based on the study results, the paper proposes strategic recommendations such as: improving the legal framework, establishing an inter-sectoral management mechanism, and urgently transitioning to a "digital inspection" model. Implementing these solutions in a coordinated manner is a prerequisite for building a transparent, high-quality, and sustainable online education market in Vietnam.

• Key words: *state management, online training services, elearning.*

Ngày nhận bài: 27/02/2026
Ngày gửi phản biện: 26/3/2026
Ngày duyệt đăng: 11/4/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i311.55

1. Mở đầu

Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu, dịch vụ đào tạo trực tuyến (ĐTTT) đang trở thành một cấu phần quan trọng của hệ thống giáo dục hiện đại và nền kinh tế số. Tại Việt Nam, với hơn 77% dân số sử dụng internet và khoảng 70 triệu người dùng mạng xã hội, thị trường ĐTTT đang tăng trưởng nhanh. Sự phát triển này không chỉ mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục mà còn thúc đẩy hình thành hệ sinh thái ĐTTT năng động với sự tham gia của cả khu vực công và tư nhân.

Bên cạnh những thành tựu, thị trường ĐTTT cũng đặt ra nhiều thách thức như chất lượng đào tạo chưa đồng đều, rủi ro vi phạm bản quyền, thất thu thuế từ các nền tảng xuyên biên giới và nguy cơ mất an toàn dữ liệu người học... Những vấn đề này cho thấy vai trò của Nhà nước không chỉ dừng lại ở quản lý mà cần chuyển sang vai trò kiến tạo, điều tiết và dẫn dắt thị trường. Trên cơ sở đó, bài viết phân tích thực trạng và đề xuất các khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước (QLNN) đối với dịch vụ ĐTTT ở Việt Nam trong giai đoạn tới.

2. Một số khái niệm

2.1. Khái niệm và đặc điểm của dịch vụ ĐTTT

Nhiều học giả như Zandberg & Lewis (2008), Trịnh Văn Biều (2012), Atkins (2016), và Rodrigues cùng các cộng sự (2019) đều đồng

** Đại học Bách khoa Hà Nội; email: dung.nguyenthiphuong2@hust.edu.vn*
*** Trường Kinh tế, ĐH Quốc gia Hà Nội*

thuận khi đưa ra khái niệm ĐTTT là một loại hình dịch vụ sử dụng công nghệ thông tin để tổ chức và cung cấp các chương trình học tập thông qua internet hoặc các nền tảng số. Đây là một dạng hàng hóa vô hình, trong đó quá trình sản xuất và tiêu dùng diễn ra đồng thời, gắn liền với sự tương tác giữa người dạy và người học.

Khác với dịch vụ đào tạo truyền thống, ĐTTT có một số đặc điểm nổi bật như: tính linh hoạt về không gian và thời gian; khả năng mở rộng quy mô không giới hạn; phụ thuộc mạnh vào hạ tầng công nghệ và dữ liệu; tính cá nhân hóa cao trong trải nghiệm học tập; và tính toàn cầu hóa trong cung ứng dịch vụ. Những đặc điểm này vừa tạo ra cơ hội phát triển mạnh mẽ, vừa đặt ra những thách thức lớn đối với QLNN.

2.2. Khái niệm quản lý nhà nước đối với dịch vụ ĐTTT

Nghiên cứu của Đỗ Hoàng Toàn (2008), Phan Huy Đường (2017), Phạm Thị Hồng Điệp và cộng sự (2024) đều thống nhất rằng QLNN về kinh tế được hiểu là sự tác động có tổ chức, bằng quyền lực của nhà nước đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân qua những phương pháp, công cụ phù hợp để khai thác tốt nhất các nguồn lực hiện có, nhằm đạt được mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra trong bối cảnh môi trường luôn biến động. Dựa vào khái niệm QLNN về kinh tế và đặc điểm của dịch vụ, có thể hiểu QLNN đối với dịch vụ ĐTTT là *"sự tác động có tổ chức và bằng quyền lực pháp lý của Nhà nước thông qua những phương pháp, công cụ phù hợp nhằm định hướng, kiểm soát và tối ưu hóa việc khai thác các nguồn lực công nghệ, tri thức và con người, đảm bảo dịch vụ ĐTTT phát triển minh bạch, chất lượng và hiệu quả, góp phần đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội bền vững"*.

Sơ đồ 1: Nội dung Quản lý nhà nước đối với dịch vụ đào tạo trực tuyến



3. Thực trạng quản lý nhà nước đối với dịch vụ ĐTTT ở Việt Nam

3.1. Thực trạng xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển dịch vụ ĐTTT

Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, dịch vụ ĐTTT ngày càng trở thành một cấu phần quan trọng của hệ sinh thái giáo dục quốc gia. Nhằm thúc đẩy lĩnh vực này, Chính phủ Việt Nam đã ban hành một số chiến lược và đề án quan trọng, trong đó tiêu biểu là Đề án 1373/QĐ-TTg (2021) về xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030 và Đề án 131/QĐ-TTg (2022) về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục. Cụ thể, Đề án 1373 đặt mục tiêu xây dựng một hệ thống giáo dục mở, linh hoạt, liên thông và hiện đại, bảo đảm mọi người dân có cơ hội tiếp cận học tập suốt đời, qua đó góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Các chính sách này đã gián tiếp mở ra cơ hội thị trường cho khu vực tư nhân, khi nhu cầu học tập trực tuyến gia tăng mạnh trong giáo dục chính quy, giáo dục nghề nghiệp và đào tạo suốt đời. Nhiều doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ĐTTT trong nước như Topica, Hocmai, Kyna hay Vuihoc… đã tích cực tham gia cung cấp nền tảng công nghệ, học liệu số và dịch vụ hỗ trợ chuyển đổi số cho các cơ sở giáo dục. Tuy nhiên, việc ban hành các định hướng chiến lược này còn tương đối muộn so với xu thế quốc tế, khi nhiều quốc gia đã triển khai giáo dục trực tuyến và giáo dục mở từ hơn một thập kỷ trước. Bên cạnh đó, vai trò của khu vực tư nhân trong hệ sinh thái ĐTTT chưa được xác định rõ trong cấu trúc chính sách. Các doanh nghiệp vẫn gặp khó khăn trong tiếp cận ưu đãi về vốn, thuế, dữ liệu và cơ chế hợp tác công - tư, ảnh hưởng đến khả năng mở rộng và nâng cao năng lực cạnh tranh.

3.2. Thực trạng tổ chức thực hiện định hướng chiến lược, quy hoạch và đề án phát triển dịch vụ ĐTTT

Về bộ máy quản lý

Trong hệ thống giáo dục chính quy, các cơ sở đào tạo công lập và tư thục chịu sự quản lý trực tiếp của Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng các Sở GD&ĐT địa phương, với chức năng ban hành chương trình, kiểm định chất lượng và giám sát hoạt động. Tuy nhiên, đối với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ĐTTT, hoạt động quản lý lại bị

phân tán giữa nhiều cơ quan như Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan thuế, Bộ Công Thương, Bộ Thông tin và Truyền thông (nay đã sát nhập vào Bộ Khoa học & Công nghệ), và Bộ Công an. Sự phân tán này dẫn đến tình trạng chồng chéo chức năng, thiếu một đầu mối quản lý thống nhất, gây khó khăn trong việc xây dựng chính sách đồng bộ về chất lượng đào tạo, chứng chỉ và bảo vệ người học.

Về hoàn thiện thể chế và tạo lập môi trường phát triển

Có thể kể tới một số chính sách của Nhà nước trong việc tạo lập môi trường phát triển dịch vụ ĐTTT như:

- Chính sách tài chính và đầu tư:

Nguồn lực của Nhà nước vẫn chủ yếu tập trung vào khu vực công. Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo (2024), tỷ lệ chi ngân sách cho giáo dục giai đoạn 2013-2023 dao động từ 15,7% đến 19,1%, trong đó năm 2023 ở mức 15,8%. Tuy nhiên, chi cho thiết bị và công nghệ giáo dục chỉ chiếm dưới 2% tổng chi thường xuyên, phản ánh sự thiếu hụt đáng kể trong đầu tư cho hạ tầng số.

Biểu đồ 1: Tỷ lệ % chi Ngân sách Nhà nước cho giáo dục & đào tạo

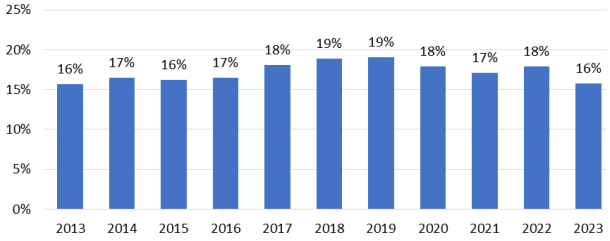

Nguồn: Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2024

Trong khi đó, khu vực tư lại ít nhận được hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước, mà chủ yếu được tạo điều kiện thông qua: Nghị định số 86/2018/NĐ-CP và Nghị quyết số 35/NQ-CP (2016) xác định giáo dục là lĩnh vực được khuyến khích xã hội hóa và kêu gọi đầu tư tư nhân, đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, các văn bản này đang chỉ dừng lại mang tính định hướng, chưa có cơ chế hỗ trợ tài chính cụ thể như cấp vốn, vay ưu đãi. Khu vực tư phải dựa hoàn toàn vào vốn tự huy động hoặc đầu tư tư nhân thể hiện qua sự gia tăng mạnh mẽ của các dự án đầu tư từ quỹ đầu tư trong và ngoài nước vào dịch vụ ĐTTT trong các năm gần đây.

- Chính sách thuế:

Đối với khu vực công, các cơ sở giáo dục công lập không phải là đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), thuế giá trị gia tăng (GTGT) hay các loại thuế sản xuất kinh doanh do hoạt động mang tính phi lợi nhuận và được tài trợ từ ngân sách nhà nước theo Luật Ngân sách (2015). Tuy nhiên, việc không chịu áp lực thuế cũng đồng nghĩa với việc thiếu các cơ chế khuyến khích tài chính để thúc đẩy đổi mới sáng tạo và đầu tư công nghệ, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục đòi hỏi nguồn lực lớn và tính linh hoạt cao.

Đối với khu vực tư nhân, pháp luật hiện hành đã có một số chính sách ưu đãi nhất định. Theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP và Thông tư số 78/2014/TT-BTC, các dự án thuộc lĩnh vực xã hội hóa giáo dục được áp dụng thuế suất TNDN ưu đãi 10%, miễn thuế trong 4 năm đầu và giảm 50% số thuế phải nộp trong các năm tiếp theo. Tuy nhiên, trên thực tế, nhiều doanh nghiệp ĐTTT đặc biệt là các nền tảng EdTech, trung tâm đào tạo hoặc doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài chưa được công nhận là đối tượng xã hội hóa, dẫn đến khó tiếp cận ưu đãi. Thực tế cho thấy, phần lớn doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực ĐTTT gặp khó khăn trong tiếp cận ưu đãi thuế do thiếu thông tin và nguồn lực pháp lý. Điều này cho thấy chính sách thuế hiện hành vẫn chưa theo kịp thực tiễn phát triển của thị trường.

Chính sách bảo vệ sở hữu trí tuệ

Việt Nam đã xây dựng hệ thống pháp luật tương đối đầy đủ về bảo vệ sở hữu trí tuệ áp dụng cho lĩnh vực ĐTTT. Các văn bản tiêu biểu gồm Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2022, bổ sung quy định về tác phẩm số như bài giảng điện tử, phần mềm học tập; Thông tư 30/2023/TT-BGDĐT yêu cầu các cơ sở đào tạo đảm bảo bản quyền học liệu và hệ thống ĐTTT; cùng với Luật Công nghệ thông tin (2006) và Luật An ninh mạng (2018) quy định về bảo vệ dữ liệu và chống xâm phạm hệ thống. Những quy định này đã tạo nền tảng pháp lý cho việc bảo vệ quyền tác giả trong môi trường số. Tuy nhiên, tình trạng sao chép trái phép học liệu, video bài giảng và phần mềm học tập vẫn diễn ra phổ biến, trong khi cơ chế kiểm soát trên các nền tảng mở hay mạng xã hội còn yếu. Quy trình đăng ký bản quyền phức tạp cũng khiến nhiều giảng viên và doanh nghiệp chưa chủ động bảo vệ tài sản trí tuệ.

- Chính sách bảo vệ dữ liệu người dùng

Hệ thống pháp lý này cho thấy Việt Nam đã bước đầu tiếp cận các chuẩn mực bảo vệ dữ liệu

hiện đại. Tuy nhiên, việc triển khai trên thực tế còn nhiều bất cập. Nhiều cơ sở đào tạo, đặc biệt là các đơn vị tư nhân nhỏ và startup EdTech, chưa có đủ năng lực kỹ thuật và nhân sự để đảm bảo an toàn thông tin. Nguy cơ rò rỉ dữ liệu cá nhân, thông tin học tập và giao dịch vẫn hiện hữu, trong khi các công cụ giám sát và đánh giá tuân thủ còn hạn chế. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải nâng cao năng lực thực thi và hoàn thiện cơ chế kiểm soát dữ liệu trong hệ sinh thái giáo dục số.

Về xây dựng và tổ chức thực thi chính sách đối với dịch vụ ĐTTT ở Việt Nam

Hệ thống quản lý hiện nay mang tính phân tán, với sự tham gia của nhiều bộ, ngành như Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương và Bộ Công an. Mỗi cơ quan phụ trách một lĩnh vực riêng, từ nội dung đào tạo đến công nghệ, tài chính và an ninh mạng. Tuy nhiên, việc thiếu một cơ quan đầu mối điều phối đã dẫn đến chồng chéo chức năng và khó khăn trong triển khai chính sách, đặc biệt trong việc xác định bản chất pháp lý của doanh nghiệp ĐTTT. Ở cấp địa phương, năng lực quản lý còn hạn chế, nhiều Sở Giáo dục và Đào tạo chưa đủ nguồn lực và công cụ để giám sát các nền tảng ĐTTT độc lập, làm giảm hiệu quả thực thi.

Về hiệu lực chính sách, sự khác biệt giữa khu vực công và tư là khá rõ nét. Trong khi các cơ sở công lập được triển khai chính sách tương đối đồng bộ và có hỗ trợ về hạ tầng, tài chính, thì khu vực tư nhân lại thiếu cơ chế ưu đãi và ít có cơ hội tham gia vào quá trình hoạch định chính sách. Điều này khiến doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong mở rộng hoạt động và đổi mới sáng tạo.

Về điều hành, điều tiết quá trình phát triển dịch vụ đào tạo trực tuyến ở Việt Nam

Hiện nay, chưa tồn tại một cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm toàn diện trong việc điều phối và quản lý thị trường giáo dục số. Thay vào đó, chức năng quản lý được phân chia cho nhiều bộ, ngành nêu trên. Sự phân tán này dẫn đến thiếu cơ chế phối hợp thống nhất, gây chồng chéo trong quy định và làm gia tăng chi phí tuân thủ đối với doanh nghiệp tư nhân cung cấp dịch vụ ĐTTT. Bên cạnh đó, tốc độ phát triển nhanh của thị trường ĐTTT, đặc biệt sau đại dịch COVID-19, đã vượt quá khả năng điều tiết của hệ thống chính sách hiện hành. Trong khi doanh nghiệp liên tục đổi mới với các mô hình đào tạo tích hợp trí tuệ nhân tạo, học liệu tương tác và cá nhân hóa, thì khung pháp lý vẫn chủ yếu dựa trên tư duy giáo dục truyền thống. Điều này tạo ra khoảng cách giữa thực tiễn thị trường và năng lực QLNN. Ngoài ra, hiện nay, việc điều hành thị trường chưa dựa trên nền tảng dữ liệu số do các công cụ phân tích dữ liệu lớn (big data), trí tuệ nhân tạo (AI) hay học máy (machine learning) chưa được ứng dụng hiệu quả. Điều này làm giảm khả năng dự báo và phản ứng chính sách trong bối cảnh thị trường biến động nhanh.

3.3. Thực trạng về công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các vấn đề phát sinh trong quản lý dịch vụ ĐTTT

Nghiên cứu đã thực hiện phỏng vấn sâu 23 cán bộ quản lý của các doanh nghiệp đang cung cấp dịch vụ ĐTTT. Kết quả thu được đều cho rằng trong lĩnh vực ĐTTT, công tác kiểm tra, thanh tra đã có những bước chuyển biến bước đầu nhưng vẫn tồn tại nhiều hạn chế, đặc biệt là trong việc giám sát các hoạt động thuộc khu vực tư nhân. Một số các vấn đề chủ yếu bao gồm:

- Cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành còn thiếu đồng bộ, các cuộc thanh tra diễn ra độc lập, không có sự chia sẻ thông tin dẫn tới tình trạng bỏ sót hoặc chồng chéo. Các cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra bao gồm Thanh tra Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Sở Giáo dục và Đào tạo địa phương, cùng với các đơn vị thanh tra chuyên ngành thuộc Bộ Tài chính, Bộ Khoa học & Công nghệ, Bộ Công an. Tuy nhiên, phần lớn các cuộc thanh tra vẫn tập trung vào cơ sở giáo dục công lập hoặc chương trình đào tạo chính quy, trong khi các nền tảng ĐTTT xuyên biên giới vẫn chưa được kiểm soát hiệu quả.

- Năng lực và công cụ phục vụ thanh tra cũng còn hạn chế. Các cơ quan quản lý chưa được trang bị đầy đủ công nghệ giám sát thời gian thực, hệ thống phân tích dữ liệu, hoặc công cụ đánh giá nội dung số. Nhân sự thực hiện thanh tra trong lĩnh vực này cũng chưa được đào tạo chuyên sâu về công nghệ giáo dục và pháp lý liên quan. Thực tế đã xuất hiện nhiều vi phạm đáng chú ý. Điển hình năm 3/2025, công an TP. Hà Nội phát hiện một số cá nhân, tổ chức mạo danh trung tâm đào tạo quốc tế lừa đảo hơn 3.600 người mua khóa học online giả.

- Có sự chênh lệch đáng kể giữa khu vực công và tư cho thấy. Trong khi các cơ sở công lập chịu sự thanh tra định kỳ với quy trình rõ ràng, thì khu vực tư lại ít bị thanh tra, thiếu chuẩn kiểm định và

dễ gây rủi ro cho người học. Một số thiếu sót phổ biến trong thanh tra khu vực tư nhân bao gồm: không bắt buộc kiểm định chất lượng nội dung đào tạo, dẫn đến tình trạng chất lượng không đồng đều và thiếu minh bạch về người giảng dạy; vi phạm bản quyền, đạo đức học thuật như sao chép nội dung, sử dụng bài giảng từ cơ sở công lập để thương mại hóa; cấp chứng chỉ không theo chuẩn quốc gia, gây nhầm lẫn cho người học.

4. Khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với dịch vụ đào tạo trực tuyến

Dựa vào thực trạng về QLNN đối với dịch vụ ĐTTT, bài viết đề xuất một số khuyến nghị như sau:

Thứ nhất, Chính phủ cần tập trung hoàn thiện khung pháp lý và xác định rõ bản chất pháp lý của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ và các nền tảng ĐTTT. Việc ban hành các quy định cụ thể để công nhận doanh nghiệp ĐTTT là đối tượng thuộc lĩnh vực xã hội hóa giáo dục là điều kiện tiên quyết để các đơn vị này tiếp cận bình đẳng các ưu đãi về thuế, vốn như các cơ sở giáo dục truyền thống. Đồng thời, khung pháp lý cần bắt kịp với các mô hình đào tạo mới dựa trên AI và học máy, nhằm xóa bỏ khoảng cách giữa thực tiễn thị trường và năng lực điều tiết của Nhà nước hiện nay.

Thứ hai, để khắc phục tình trạng quản lý phân tán và chồng chéo chức năng, Nhà nước nên thiết lập một cơ quan đầu mối quản lý thống nhất kết hợp với cơ chế phối hợp liên ngành. Cơ quan này sẽ đóng vai trò điều phối toàn diện thị trường giáo dục số, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an và Bộ Tài chính. Bên cạnh đó, việc đẩy mạnh mô hình hợp tác công - tư (PPP) sẽ tạo không gian cho khu vực tư nhân tham gia sâu hơn vào quá trình hoạch định chính sách, từ đó xây dựng một hệ sinh thái giáo dục quốc gia đồng bộ và minh bạch.

Thứ ba, cần cấp bách chuyển đổi sang mô hình "thanh tra số" và nâng cao năng lực giám sát công nghệ của các cơ quan chức năng. Thay vì chỉ dựa vào báo cáo hành chính định kỳ vốn có độ trễ lớn, Nhà nước cần đầu tư vào hệ thống giám sát thời gian thực và các công cụ phân tích dữ liệu lớn để kịp thời phát hiện các vi phạm về bản quyền, lừa đảo hoặc chất lượng đào tạo không đảm bảo. Đội ngũ cán bộ thanh tra cũng cần được đào tạo chuyên sâu về kỹ năng sư phạm số và pháp lý công nghệ để có đủ năng lực xử lý các sai phạm tinh vi trên không gian mạng, điển hình như vụ việc giả mạo mã kích hoạt khóa học gây thiệt hại lớn cho người học trong thời gian qua.

Thứ tư, Nhà nước cần tăng cường thực thi bảo vệ sở hữu trí tuệ và an toàn dữ liệu người dùng để tạo động lực cho sự phát triển bền vững. Việc đơn giản hóa quy trình đăng ký bản quyền học liệu số là cần thiết để bảo vệ tài sản trí tuệ của giảng viên và doanh nghiệp, hạn chế tình trạng sao chép và thương mại hóa trái phép bài giảng. Đồng thời, các chế tài xử lý vi phạm dữ liệu cá nhân cần được thực hiện nghiêm khắc hơn, buộc các đơn vị, cơ sở cung cấp dịch vụ ĐTTT phải đầu tư thỏa đáng vào hạ tầng bảo mật thông tin học viên nhằm ngăn ngừa các rủi ro rò rỉ dữ liệu và lừa đảo trực tuyến.

Kết luận

Có thể thấy, dịch vụ ĐTTT tại Việt Nam sở hữu tiềm năng tăng trưởng vượt trội nhưng cũng đặt ra những thách thức mới đối với vai trò điều tiết của Nhà nước. Để dẫn dắt hệ sinh thái ĐTTT phát triển bền vững, Nhà nước cần chuyển dịch mạnh mẽ từ tư duy quản lý hành chính sang tư duy kiến tạo và điều tiết. Việc thiết lập một cơ quan đầu mối thống nhất và áp dụng mô hình giám sát công nghệ cao (thanh tra số) không chỉ giúp ngăn chặn các hành vi lừa đảo, trục lợi mà còn tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh cho các doanh nghiệp tư nhân. Sau cùng, mục tiêu cốt lõi của QLNN là đảm bảo quyền lợi chính đáng của người học và tối ưu hóa các nguồn lực tri thức để đóng góp hiệu quả vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Tài liệu tham khảo:

Atkins, M. J. (2016). Online learning and the future of education: Reconsidering the concept of distance. Open Learning Journal, 31(1), 22-32.

Bộ Giáo dục & Đào tạo. (2024). Tỷ lệ % chi ngân sách Nhà nước cho giáo dục đào tạo. Truy cập tại: https://vtv.vn/giao-duc/chi-ngan-sach-nha-nuoc-cho-giao-duc-dao-tao-chua-dat-toi-thieu-20-20231214160312073.htm

Datareportal. (2026). Digital Vietnam 2025. Truy cập tại: https://datareportal.com/reports/digital-2025-vietnam

Đỗ Hoàng Toàn, & Mai Văn Bưu. (2019). Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế. Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.

Phan Huy Đường. (2017). Giáo trình Khoa học quản lý. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

Phạm Thị Hồng Điệp và cộng sự. (2024). Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

Rodrigues, H., Almeida, F., Figueiredo, V., & Lopes, S. L. (2019). Tracking e-learning through published papers: A systematic review. Computers & Education, 136, 87-98. https://doi.org/10.1016/j.compedu.2019.03.007

Trịnh Văn Biều. (2012). Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về đào tạo trực tuyến. Tạp chí Khoa học Giáo dục, 92, 34-39.

Zandberg, I., & Lewis, L. (2008). Technology-based distance education courses for public elementary and secondary school students. National Center for Education Statistics.